

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2022

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị My N, sinh năm 1985; Nơi cư trú: xã PT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1983; Nơi cư trú: xã PT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2021, biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2021, chị Đoàn Thị My N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L cưới nhau vào năm 2018, trước khi cưới có tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và được một đứa con, nhưng đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh L thường xuyên đánh chị và vợ chồng cãi nhau thường xuyên, từ đó chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay chị không thể tiếp tục chung sống với anh L nên chị yêu cầu ly hôn với anh L. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 11/12/2018, nay ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Diễm M và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị và anh L đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Chị và anh L chung sống không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn L, Tòa án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Đoàn Thị My N. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu chị My N được tiếp tục nuôi dạy cháu Diễm M và do sự tự nguyện của nguyên đơn nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung; đồng thời anh L có quyền đến thăm, chăm sóc, nuôi dạy con chung và không ai có quyền cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Về phía bị đơn chưa có ý kiến, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Nguyên đơn chị Đoàn Thị My N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đoàn Thị My N và anh Nguyễn Văn L là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị My N đối với anh Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị My N thì cuộc sống của chị và anh L không hạnh phúc, thường xuyên cự cãi nhau và anh L còn đánh chị. Mặt khác, trong quá trình không còn sống chung thì chị My N và anh L không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị My N đối với anh L hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị My N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị My N ly hôn với anh L.

[4] Về việc nuôi con: Chị Đoàn Thị My N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 11/12/2018 và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Diễm M từ khi chị My N

và anh L không còn sống chung và hiện nay đều do chị My N chăm sóc, nuôi dưỡng và để ổn định việc sinh hoạt của cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị My N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị My N chưa có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị My N cho rằng đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Nguyễn Văn L không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về nợ chung: Chị Đoàn Thị My N cho rằng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Nguyễn Văn L không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị My N, cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị My N và anh Nguyễn Văn L.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Chị Đoàn Thị My N được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 11/12/2018.

2.2. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Đoàn Thị My N chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003751 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã PT, huyện HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng